

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Thuận

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân-gia đình thụ lý số 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: TSB, T1, xã NT, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Phạm Quang T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn KN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bà Q có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà và ông Phạm Quang T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào ngày 14/7/2005. Sau khi cưới vợ chồng

sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ông T được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do ông T đánh cờ bạc, nợ nần nhiều lần bà khuyên ngăn nhưng ông T tính nào tật nấy không thay đổi còn đánh bà gãy tay, bà cố gắng vì 02 con nhưng không thể nào chung sống được với ông T nên tháng 10/2021 bà về phía bà ở NT, AN sống và vợ chồng ly thân từ đó. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Quang T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/2006 và Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2009, sức khỏe các cháu bình thường, hiện cháu K đang ở với ông T, còn cháu K đang ở với bà. Nay các cháu đã trên 07 tuổi, vợ chồng ly hôn các cháu muốn ở với ai quyền của các cháu, nếu các cháu ở với bà thì bà đồng ý nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Quang T trình bày:

Ông thống nhất về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà Q. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ông tại KN, BT, TS, Vợ chồng sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, khoảng thời gian tháng 10/2021 do có hơi men trong người nên ông có đánh bà Q 2-3 tát tai, do vậy bà Q đã giận bỏ về nhà cha mẹ ruột bà ở xã NT, thị xã AN sống cho đến nay. Việc đánh vợ là sai nhưng vì lúc đó ông bức tức không kiểm soát được bản thân. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con. Còn nếu bà Q cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/2006 và Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2009, sức khỏe các cháu bình thường, hiện cháu K đang ở với ông, còn cháu K ở với bà Q. Nay các cháu trên 07 tuổi nếu vợ chồng ly hôn các cháu muốn ở với ai quyền của các cháu, nếu các cháu muốn ở với ông thì ông đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Phạm Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, cho bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Phạm Quang T. Về con chung giao cháu Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/2006 cho ông T trực

tiếp nuôi dưỡng, vì cháu K có nguyện vọng ở với ông T. Giao cháu Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2009 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, vì cháu K có nguyện vọng ở với bà Q, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào vì các bên không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phạm Quang T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Quang T có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2005 tại UBND xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của ông T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Q trình bày: Ông T nhiều lần đánh cò bạc, nợ nần bà khuyên nhưng ông T tính nết bất hiếu không thay đổi còn đánh bà gãy tay, bà vẫn cố gắng sống vì 02 con nhưng không thể nào chung sống được với ông T nên yêu cầu được ly hôn ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Ông T cho rằng vợ chồng ông sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, khoảng thời gian tháng 10/2021 do ông có hơi men trong người nên có đánh bà Q 2-3 tát tai, bà Q đã giận bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã NT, thị xã AN sinh sống cho đến nay. Ông thấy việc đánh vợ là sai nhưng vì lúc đó ông bức tức không kiểm soát được bản thân, ông nhận thấy còn thương vợ con và tha thiết mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Nhưng nếu bà Q cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà Q và ông T không thể nào chung sống với nhau được, tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

[3] Về con chung: Bà Q và ông T có 02 con chung tên Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/2006 và Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2009, hiện cháu K đang ở với ông T, cháu K ở với bà Q, nguyện vọng của cháu K muốn ở với ông T, cháu K muốn ở với bà Q. Xét nguyện vọng của các cháu nghĩ nên giao cháu Phạm Tuấn K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Tuấn K cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào vì các bên không yêu cầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 bà

Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007168 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Phạm Quang T.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Tuấn K, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2009 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào vì các bên không yêu cầu.

Các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Quang T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007168 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.
6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Minh Trí